

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
Số: 2180 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Bình Định, ngày 27 tháng 6 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**  
**Dự án: Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt đề án Quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề xuất Dự án đầu tư Nhà máy nước sạch Quy Nhơn;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 222/BC-SKHĐT ngày 24/4/2019; đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 102A/TTr-SXD ngày 26/4/2019 và Văn bản số 44/SXD-HTKTTD ngày 22/02/2019,



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1)

**2. Nhóm dự án:** Nhóm B

**3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư:** UBND tỉnh Bình Định.

**Đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền của dự án:** Sở Xây dựng Bình Định.

**4. Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:** Công ty cổ phần Công nghệ môi trường và Xây dựng Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

**5. Địa điểm thực hiện dự án:** Thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### **6. Mục tiêu đầu tư:**

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27/6/2017.

- Nâng cao năng lực cung cấp nguồn nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cho nhân dân và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ sức khỏe và cải thiện điều kiện sinh hoạt cho người dân trong vùng dự án; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Quy Nhơn nói riêng và tỉnh Bình Định nói chung.

**7. Nội dung, quy mô đầu tư:** thực hiện đầu tư cho giai đoạn 01 (công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm) thuộc Dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (tổng công suất 60.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

a) Công suất và công nghệ xử lý:

- Công suất xử lý nước sinh hoạt 30.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm (giai đoạn 01);

- Công nghệ xử lý nước mặt sông Tân An thuộc địa phận thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định: Lắng (tăng hiệu suất lắng bằng hóa chất và tấm lắng lamella) - Lọc nhanh trọng lực bằng vật liệu cát - Khử vi sinh bằng clo.

b) Phần xây dựng:

- Công trình thu, trạm bơm nước thô: Đặt tại thượng lưu đập Thạnh Hòa, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, diện tích xây dựng 1,0ha chức năng thu nước mặt sông Tân An bơm về nhà máy xử lý tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, bao gồm các hạng mục: Công trình thu; trạm bơm nước thô; điện động lực; các hạng mục công trình phụ trợ khác.

- Nhà máy xử lý nước: Đặt tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, diện tích đất xây dựng 3,1ha (bao gồm cả đất dự phòng nâng công suất lên 60.00m<sup>3</sup>/ngày

*Ph*<sup>2</sup>

đem), gồm các hạng mục công trình: Bể xử lý; bể lọc; bể chứa nước sạch sau xử lý; nhà đặt trạm bơm nước sạch; bể thu hồi nước rửa lọc; bể nén bùn; nhà quản lý; điện động lực; các hạng mục công trình phụ trợ khác.

- Tuyến ống chuyên tải nước thô và nước sạch:

+ Tuyến ống chuyên tải nước thô: Điểm đầu tuyến đầu nối vào trạm bơm nước thô tại phường Bình Định, thị xã An Nhơn; điểm cuối tuyến đầu nối vào Nhà máy xử lý nước đặt tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; đoạn tuyến trên địa bàn thị xã An Nhơn chủ yếu chạy dọc theo tuyến đường nội bộ hiện trạng, ống đặt giữa tim đường; đoạn tuyến còn lại chạy dọc theo Quốc lộ 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1), ống đặt bên phải tuyến (Tây Nam của tuyến đường) cách chân taluy đắp của tuyến đường 3m. Tổng chiều dài tuyến  $L = 6.230\text{m}$ , gồm 90m ống thép D600mm, 6.140m ống HDPE D630mm và lắp đặt các phụ kiện trên đường ống; áp lực công tác  $5,0\text{kg/cm}^2$ .

+ Tuyến ống chuyên tải nước sạch sau xử lý: Điểm đầu tuyến đầu nối vào Nhà máy xử lý nước đặt tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; tuyến chuyên tải nước sạch chủ yếu chạy dọc theo Quốc lộ 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1), ống đặt bên phải tuyến (Tây Nam của tuyến đường) cách chân taluy đắp của tuyến đường 3m. Tổng chiều dài  $L = 8.735\text{m}$  (gồm 1.040m ống thép D600mm, 45m ống thép D250mm, 6.710m ống HDPE D630mm, 940m ống HDPE D250mm), lắp đặt các phụ kiện trên đường ống; áp lực công tác  $5,0\text{kg/cm}^2$ .

Vị trí đầu nối hòa mạng: 01 điểm tại Thị trấn Tuy Phước và 01 điểm tại đường Võ Nguyên Giáp gần đầu cầu Thị Nại.

c) Phần thiết bị:

- Hệ thống giám sát, điều khiển SCADA: Lắp đặt đồng bộ thiết bị điều khiển giám sát thu thập dữ liệu và vận hành đồng bộ Nhà máy xử lý nước từ trạm bơm nước thô đến cụm xử lý và trạm bơm nước sạch thông qua hệ thống giám sát và điều khiển trung tâm đặt tại Nhà quản lý - vận hành của nhà máy.

- Thiết bị vận hành: Lắp đặt đồng bộ các thiết bị sản xuất, vận hành nhà máy gồm máy bơm nước thô, máy bơm nước sạch; thiết bị đồng bộ cụm bể phản ứng + lắng, bể lọc, bể chứa, trạm bơm nước thô, trạm bơm nước sạch, cụm hóa chất (vôi, clo-PAC; thiết bị cụm rửa lọc, thu và nén bùn; thiết bị phòng thí nghiệm; thiết bị quan trắc tự động (đo độ đục, clo dư,...).

**8. Diện tích sử dụng đất:** Khoảng  $55.220\text{m}^2$  (trong đó, diện tích đất thu hồi lâu dài  $42.844\text{m}^2$ , diện tích đất thu hồi tạm thời  $12.376\text{m}^2$ ).

**9. Yêu cầu về kỹ thuật:** Chất lượng nước sau khi xử lý đảm bảo theo quy định về kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành (QCVN 01:2009/BYT).

**10. Loại và cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp I.

**11. Tổng mức đầu tư của dự án:** **367.631.705.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 237.842.715.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 41.592.197.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 5.648.997.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 13.905.540.000 đồng;
- Chi phí khác : 26.376.752.000 đồng;
- Chi phí bồi thường, GPMB : 3.524.276.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 38.741.228.000 đồng.

**12. Loại hợp đồng dự án:** Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (hợp đồng BOO).

**13. Phương án tài chính:**

- Vốn vay ngân hàng: 257.342.193.000 đồng (chiếm 70% tổng mức đầu tư);
- Vốn tự có của Nhà đầu tư: 110.289.512.000.000 đồng (chiếm 30% tổng mức đầu tư).

**14. Thời gian thực hiện, cơ chế giám sát và quản lý dự án:**

- Kế hoạch triển khai dự án:
  - + Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Quý II năm 2019.
  - + Tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án và đàm phán, ký kết hợp đồng dự án: Quý II và III năm 2019.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2021.
  - + Tổ chức lập, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán: Quý III năm 2019.
  - + Khởi công thực hiện dự án: Quý IV năm 2019.
  - + Vận hành cấp nước: Từ Quý II năm 2021.
- Cơ chế giám sát và quản lý dự án: Tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**15. Thời gian hợp đồng dự án:** Được cụ thể hóa trong Hợp đồng BOO giữa Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư thực hiện dự án.

**16. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư:** Tổ chức thực hiện việc ưu đãi và bảo đảm đầu tư dự án theo quy định tại Chương IX, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

**17. Dự kiến lộ trình tiêu thụ nước sạch:** Dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 01) đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh BOO), nhà đầu tư tự thu xếp vốn và tự hạch toán tài chính cho dự án theo quy định. Dự kiến sản lượng nước thành phẩm năm đầu tiên (năm 2021) là 15.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Đến năm 2025, sản lượng nước thành phẩm đạt công suất thiết kế giai đoạn 01 của dự án là 30.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Sở Xây dựng (đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền của dự án) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, UBND thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn và các cơ quan có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và thực hiện các phần việc có liên quan để triển khai dự án theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ môi trường và Xây dựng Sài Gòn; Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K14. *mlh*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Cao Thắng**